TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HĐ THI CĐRNN NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

KỲ THI NGÀY 21/04/2024

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
1	431565	Nguyễn Thị	Khúc	Luật	Trung văn	1.0	Không đạt			
2	440229	Hà Thị	Thái	Luật	Trung văn	4.0	Không đạt			
3	440401	Cao Đại	Mạnh	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
4	440409	Nguyễn Thị Mai	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
5	440522	Lý Thị Quỳnh	Ngân	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
6	440563	Hoàng Thị Bích	Nga	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
7	440732	Vũ Thị	Thắm	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
8	441065	Nguyễn Hải	Tùng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
9	441066	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
10	441245	Lê Ngọc	Duyên	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
11	441532	Vũ Thị ánh	Dương	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
12	441714	Trần Đức	Mạnh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
13	441719	Bùi Thị	Anh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
14	442015	Đặng Hương	Lý	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
15	442608	Đào Tiến	Dũng	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
16	442953	Nguyễn Huy	Vũ	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
17	450102	Nguyễn Việt	Hoàng	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
18	450109	Lê Khánh	Tùng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
19	450122	Bùi Ngọc	Hưng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
20	450132	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
21	450134	Lê Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
22	450141	Nguyễn Văn	Quang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
23	450146	Hà Quang	Vũ	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
24	450149	Lại Thu	Hạnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
25	450150	Trần Mai	Huyền	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
26	450151	Vũ Thị Hồng	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
27	450154	Dương Thị Thu	Trang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
28	450202	Hoàng Thị	Huyền	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
29	450204	Lương Hà	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
30	450211	Phan Khánh	Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
31	450214	Nguyễn Lưu	Hằng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
32	450215	Lò Nguyễn Huyền	Trang	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
33	450217	Đinh Thị	Hậu	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
34	450218	Đàm Yến	Ngọc	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
35	450222	Nguyễn Bảo	Ngọc	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
36	450228	Đỗ Việt	Dũng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
37	450229	Vũ Thị	Chúc	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
38	450236	Nguyễn Hồng	Dương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
39	450249	Lê Xuân	Tuấn	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
40	450250	Nguyễn Tô Phương	Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
41	450252	Tô Phan Quỳnh	Hà	Luật	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
42	450301	Nguyễn Thu	Thuỷ	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
43	450303	Nguyễn Thị	Hồng	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
44	450306	Nguyễn Việt	Hùng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
45	450308	Kim Đức	Dũng	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
46	450309	Dương Mạnh	Chiến	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
47	450311	Phạm Quý	Nam	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
48	450312	Nguyễn Thị Phương	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
49	450313	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
50	450316	Quàng Thị Thu	Biên	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
51	450317	Đặng Văn	Duyệt	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
52	450320	Lê Thu	Phương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
53	450321	Nguyễn Văn	Huy	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
54	450322	Vũ Kim	Thanh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
55	450325	Nguyễn Hiệp	Đức	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
56	450326	Hoàng Phương	Thảo	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
57	450327	Đỗ Như	Quỳnh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
58	450332	Đỗ Vân	Khánh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
59	450335	Nguyễn Bảo	Hân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
60	450336	Nguyễn Tuấn	Nam	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
61	450405	Mai Đình	Quý	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
62	450409	Đỗ Thị Kim	Chi	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
63	450413	Điền Thị Thu	Hương	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
64	450415	Nguyễn Quỳnh	Chi	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
65	450419	Ngô Thị Châu	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
66	450420	Triệu Thu	Nguyệt	Luật	Trung văn	9.5	Đạt	3	B1	
67	450421	Nguyễn Tuấn	Công	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
68	450422	Hoàng Thị	Bán	Luật	Anh văn					*Hoãn thi*
69	450424	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
70	450425	Lê Nhật	Hoàn	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
71	450427	Nguyễn Trường Nam	Thanh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
72	450428	Nguyễn Anh	Tuấn	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
73	450429	Vũ Thị	Dịu	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
74	450434	Trương Mạnh	Hùng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
75	450438	Trần Thị Diễm	Quỳnh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
76	450443	Hoàng Thái	Hà	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
77	450449	Đỗ Thị Thanh	Tâm	Luật	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
78	450452	Dương Hiếu	Thảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
79	450455	Nguyễn Linh	Chi	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
80	450501	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
81	450512	Phan Thị Khánh	Ly	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
82	450518	Nguyễn Văn	Tiến	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
83	450524	Ngô Thảo	Ngọc	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
84	450535	Đỗ Thị Phương	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
85	450551	Đặng Phương	Thảo	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
86	450554	Trịnh Trung	Hiệp	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
87	450556	Phùng Duy	Khánh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
88	450608	Nguyễn ánh	Hồng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
89	450647	Nguyễn Thị Mai	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
90	450648	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
91	450652	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
92	450701	Phạm Cao	Sơn	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
93	450702	Triệu Thị	Thơ	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
94	450712	Đặng Minh	Tuấn	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
95	450719	Mai Thu	Thương	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
96	450720	Trần Thị	Lệ	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
97	450724	Nguyễn Đức	Trung	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
98	450725	Phạm Thu	Hương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
99	450726	Nguyễn Thị Thanh	Lam	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
100	450727	Trần Thị Thu	Hiền	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
101	450730	Vũ Thị	Oanh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
102	450731	Nguyễn Lan	Chi	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
103	450732	Vũ Quỳnh	Hoa	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
104	450737	Nguyễn Thị Bích	Hằng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
105	450738	Phạm Tuấn	Nam	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
106	450743	Đặng Văn	Trường	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
107	450750	Giàng Páo	Đông	Luật	Trung văn	3.0	Không đạt			
108	450755	Nguyễn Đình Phương	Linh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
109	450802	Nguyễn Hà	Phương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
110	450805	Lô Thị Minh	Thư	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
111	450807	Trần Minh	Anh	Luật	Trung văn	3.0	Không đạt			
112	450809	Trần Văn	Đại	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
113	450812	Mai Lan	Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
114	450821	Nguyễn Bình	Phương	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
115	450822	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
116	450823	Nguyễn Thu	Hà	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
117	450824	Lê Thị	Nga	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
118	450832	Trương Ngọc	Mai	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
119	450841	Phan Đức	Hoàn	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
120	450842	Tạ Thị Thanh	Tú	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
121	450844	La Thị Phương	Thảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
122	450849	Nông Nguyễn Nam	Phương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
123	450901	Nguyễn Tùng	Dương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
124	450902	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
125	450905	Đỗ Văn	Tuân	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
126	450909	Nguyễn Phương	Loan	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
127	450910	Nông Khánh	Linh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
128	450915	Nguyễn Hồng	Nhung	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
129	450919	Cà Lan	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
130	450920	Hoàng Thị	My	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
131	450922	Nguyễn Ngọc	Tuyển	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
132	450923	Nguyễn Tiến	Đạt	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
133	450926	Nguyễn Thu	Trà	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
134	450928	Trần Thị Nhật	Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
135	450929	Nguyễn Trà	My	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
136	450930	Nguyễn Đức	Du	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
137	450931	Hạ Linh	Chi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
138	450934	Tô Ngọc	Diệp	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
139	450936	Phạm Thị Mai	Hương	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
140	450937	Trần Linh	Chi	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
141	450938	Giáp Văn	Tuyền	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
142	450941	Nguyễn Thị Hải	Liên	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
143	450942	Bùi Xuân	Tùng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
144	450947	Bùi Thị Mỹ	Dung	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
145	450948	Bùi Thị	Dương	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
146	450949	Trần Ngọc	Cảnh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
147	450950	Giàng Thị	Chía	Luật	Trung văn	9.5	Đạt	3	B1	
148	450951	Trịnh Nam	Anh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
149	450954	Đinh Thị Thảo	Vân	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
150	450955	Lê Hoàng Cẩm	Tú	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
151	450956	Vàng Thị	Pình	Luật	Trung văn	4.0	Không đạt			
152	451002	Phạm Thị Thuỳ	Dương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
153	451003	Đồng Thị	Hoài	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
154	451004	Bùi Thị Thanh	Tâm	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
155	451006	Hoàng Thị	Hoa	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
156	451008	Lê Thị	Hà	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
157	451012	Vi Thị	Chuẩn	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
158	451016	Bùi Thị	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
159	451018	Nguyễn Phương	Ngọc	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
160	451019	Bùi Quốc	Trung	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
161	451022	Lưu Phạm Khánh	Huyền	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
162	451023	Lê Nguyễn Hà	Ly	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
163	451024	Nguyễn Quỳnh	Trang	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
164	451030	Trần Ngọc	Quân	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
165	451034	Nguyễn Văn	Nam	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
166	451035	Phùng Lâm	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
167	451038	Lưu Vũ Minh	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
168	451040	Triệu Việt	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
169	451042	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
170	451048	Đoàn Thị Cẩm	Ly	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
171	451051	Phạm Thu	Thảo	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
172	451053	La Hoàng	Thái	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
173	451113	Trần Thu	Thùy	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
174	451114	Ngần Thu	Hằng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
175	451124	Đinh Thị Thùy	Trang	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
176	451135	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
177	451136	Đỗ Hà	My	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
178	451137	Trần Bảo	Yến	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
179	451138	Phạm Lan	Anh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
180	451140	Đặng Ngọc	Thịnh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
181	451142	Nguyễn Văn Phi	Thường	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
182	451145	Phạm Thị Khang	Anh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
183	451146	Nguyễn Hà	Thu	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
184	451150	Lường Thị	Thêm	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
185	451151	Trần Thùy	Linh	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
186	451203	Nguyễn Quỳnh	Nga	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
187	451206	Lương Văn	Thông	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
188	451210	Nguyễn Thị	Loan	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
189	451214	Đồng Thị	Hòa	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
190	451216	Nguyễn Thị Lan	Hương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
191	451217	Phạm Huy	Hùng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
192	451218	Vũ Thị Kim	Chi	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
193	451227	Trần Thị Hà	Vi	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
194	451228	Nguyễn Thuỳ	Trang	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
195	451230	Nguyễn Thị	Hồng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
196	451247	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
197	451250	Nguyễn Thảo	Linh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
198	451304	Ngô Minh	Trang	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
199	451325	Vi Thị	Xuân	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
200	451331	Nguyễn Vũ Phương	Hằng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
201	451341	Trần Thị Phương	Thùy	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
202	451353	Hoàng Thị	Thảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
203	451404	Đào Xuân	Mạnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
204	451405	Phạm Thị Hồng	Hạnh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
205	451407	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
206	451414	Hà Ngọc	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
207	451420	Trần Anh	Dũng	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
208	451432	Nguyễn Minh	Hằng	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
209	451433	Lại Thị Huyền	My	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
210	451448	Trần Xuân	Mai	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
211	451449	Hoàng Thị Thu	Huyền	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
212	451455	Tô Thu	Trang	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
213	451504	Phạm Thu	Uyên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
214	451505	Hoàng Thị Diệu	Linh	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
215	451507	Phùng Thị Yến	Vui	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
216	451515	Lý Chỉn	Dũng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
217	451519	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
218	451520	Nguyễn Văn	Tùng	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
219	451521	Đỗ Lan	Hương	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
220	451525	Nguyễn Thị	Ngà	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
221	451529	Vũ Thị ánh	Ngọc	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
222	451541	Nguyễn Thị Lan	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
223	451545	Nguyễn Thị Mai	Phương	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
224	451548	Chu Hương	Giang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
225	451551	Đoàn Thành	Trung	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
226	451552	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
227	451553	Nguyễn Duy	Thế	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
228	451554	Bạc Việt	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
229	451555	Nông Đức	Mạnh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
230	451603	Nguyễn Như	Quỳnh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
231	451606	Vương Minh	Hiếu	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
232	451608	Lê Khánh	Quỳnh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
233	451609	Nguyễn Đình	Tùng	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
234	451612	Trần Minh	Đăng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
235	451618	Lê Thu	An	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
236	451623	Phạm Huy	Hoàng	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
237	451624	Đặng Thị Vân	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
238	451625	Trần Khánh	Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
239	451627	Lê Mai	Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
240	451628	Nguyễn Thị	Duyên	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
241	451629	Phạm Khánh	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
242	451630	Phạm Thị	Ngà	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
243	451632	Hoàng Thái	Hưng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
244	451639	Đào Thị Linh	Chi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
245	451640	Vũ Minh	Thu	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
246	451646	Đoàn Thu	Hà	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
247	451649	Hà Tiểu	Mẫn	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
248	451705	Bùi Thị Mỹ	Uyên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
249	451706	Đặng Khánh	Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
250	451715	Hoàng Thị	Thương	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
251	451721	Đinh Thùy	Linh	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
252	451727	Nguyễn Long	Vũ	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
253	451728	Nguyễn Hoa Việt	Thái	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
254	451744	Nguyễn Ngọc Thạch	Thảo	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
255	451804	Chu Thị Mai	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
256	451822	Nguyễn Hương	Giang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
257	451825	Nguyễn Thu	Huyền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
258	451829	Phan Thu	Hằng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
259	451834	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
260	451839	Trần Linh	Chi	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
261	451925	Hoàng Thu	Huệ	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
262	451929	Vũ Viết	Nhã	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
263	451930	Phạm Trần Vân	Hà	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
264	451934	Trần Thị Thu	Huyền	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
265	451935	Bùi Thị Thu	Huyền	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
266	451939	Hoàng Thị	Phượng	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
267	451945	Lê Hải	Châu	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
268	451946	Đinh Khánh	Linh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
269	451948	Nguyễn Hà	My	Luật	Trung văn	9.5	Đạt	3	B1	
270	451950	Trần Phương	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
271	452003	Trần Thị Diệu	Ly	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
272	452004	Lê Văn	Hiếu	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
273	452005	Hoàng Nhật	Dương	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
274	452007	Lò Nhật	Cường	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
275	452012	Dương Thị Minh	Chinh	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
276	452013	Nông Tuấn	Long	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
277	452015	Vũ Ngọc	Minh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
278	452029	Lương Chí	Công	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
279	452030	Nguyễn Thái	An	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
280	452031	Đặng Vũ	Lâm	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
281	452034	Ngô Hải	Yến	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
282	452036	Đào Đăng	Duy	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
283	452040	Nguyễn Minh	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
284	452043	Nguyễn Hoàng Minh	Hạnh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
285	452045	Hà Ngọc	Hoài	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
286	452049	Lê Thái	Uyên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
287	452052	Nguyễn Thùy	Linh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
288	452053	Hoàng Như	Quỳnh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
289	452055	Nguyễn Trang	Linh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
290	452102	Ngô Thị	Phượng	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
291	452108	Đặng Thu	Hoài	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
292	452109	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
293	452116	Hà Trung	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
294	452120	Nguyễn Thị	Thùy	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
295	452121	Nguyễn Thị Lan	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
296	452125	Nguyễn Tiến	Mạnh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
297	452126	Đặng Ngân	Hà	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
298	452127	Phạm Quỳnh	Hương	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
299	452135	Nguyễn Ngọc	Bích	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
300	452138	Bùi Lê Ngọc	Hà	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
301	452140	Phạm Trường	Lâm	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
302	452141	Nguyễn Hồ Khánh	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
303	452149	Đoàn Việt	Hà	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
304	452150	Nguyễn Hồng	Nhung	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
305	452151	Vũ Thị	Ngọc	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
306	452201	Lý Thái	Sơn	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
307	452217	Nguyễn Thị	Oanh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
308	452220	Bùi Danh	Chính	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
309	452227	Nguyễn Thị	Hảo	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
310	452229	Vi Thị Thảo	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
311	452231	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
312	452234	Mai Kim	Khánh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
313	452236	Đỗ Thị Mỹ	Lệ	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
314	452237	Lê Thị	Yến	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
315	452239	Nguyễn Thu	Hà	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
316	452240	Đặng Như	Quỳnh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
317	452241	Hoàng Thị Huyền	Trang	Luật	Trung văn	10.0	Đạt	3	B1	
318	452243	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
319	452244	Phạm Thị	Thiều	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
320	452245	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
321	452247	Phan Ngọc	Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
322	452303	Trần Hải	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
323	452311	Nguyễn Thị	Tuyết	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
324	452313	Nguyễn Thị Anh	Thơ	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
325	452314	Đỗ Thị Hải	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
326	452330	Tô Thị	Ngân	Luật Kinh tế	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
327	452335	Mai Đức	Quang	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
328	452337	Tòng Thị	Hương	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
329	452339	Lê Hồng	Nhung	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
330	452349	Tạ Thị Tuyết	Nhung	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
331	452351	Nguyễn Thu Hiền	Thảo	Luật Kinh tế	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
332	452352	Nguyễn Thị Thu	Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
333	452353	Nguyễn Thị Thu	Hường	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
334	452354	Triệu Văn	Bằng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
335	452355	Bàn Tòn	Trẹ	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
336	452356	Nguyễn Thị Linh	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
337	452359	Lê Nguyên	Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
338	452360	Nguyễn Thế	Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
339	452361	Dương Lan	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
340	452362	Trần Nhật	Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
341	452366	Vũ Thanh	Thủy	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
342	452402	Trương Đức	Dương	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
343	452410	Trần Thùy	Linh	Luật Kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
344	452414	Lam Văn	Hưng	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
345	452416	Đào Đức	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
346	452421	Lương ánh	Giang	Luật Kinh tế	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
347	452422	Phạm Thanh	Tú	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
348	452424	Hoàng Thanh	Thúy	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
349	452442	Hoàng Anh	Thái	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
350	452446	Đặng Thu	Hiền	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
351	452453	Hoàng Thị	Hạnh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
352	452502	Nguyễn Thị Bích	Hằng	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
353	452503	Nguyễn Hiền	Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
354	452506	Phạm Thanh	Hải	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
355	452508	Lương Thị	Dịu	Luật Kinh tế	Trung văn	3.0	Không đạt			
356	452516	Nguyễn Thúy	Hằng	Luật Kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
357	452518	Đoàn Thu	Hương	Luật Kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
358	452520	Cao Lý Khánh	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
359	452522	Nguyễn Thúy	Vân	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
360	452539	Ngô Phương	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
361	452544	Trương Đỗ Quỳnh	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
362	452548	Đặng Thu	Huyền	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
363	452562	Đào Ngọc Minh	Châu	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
364	452563	Phạm Thị Thanh	Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
365	452614	Trần Ngọc	Hưng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
366	452618	Đinh Thanh	Chúc	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
367	452622	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
368	452624	Lê Thanh	Thúy	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
369	452626	Đoàn Thị Như	Bình	Luật Kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
370	452628	Lưu Minh	Huệ	Luật Kinh tế	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
371	452633	Thái Phương	Thảo	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
372	452634	Nguyễn Hồng	Dinh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
373	452638	Nguyễn Thị	Thu	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
374	452641	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
375	452642	Đặng Thị	Yến	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
376	452643	Phạm Thị Thu	Uyên	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
377	452646	Ngô Thị Xuân	Hoài	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
378	452650	Nguyễn Quang	Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
379	452656	Cao Huyền	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
380	452659	Nguyễn Lương Thái	Tân	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
381	452664	Thái Vân	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
382	452665	Vũ Đào Hoàng	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
383	452666	Trần Thị	Thủy	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
384	452702	Hoàng Thị	Oanh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
385	452705	Đinh Hồng	Hạnh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
386	452707	Lương Thị	Huyền	Luật Kinh tế	Trung văn	3.5	Không đạt			
387	452709	Lầu Y	Vị	Luật Kinh tế	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
388	452711	Nguyễn Việt	Trung	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
389	452713	Hồ Minh	Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
390	452714	Lương Thế	Mạnh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
391	452715	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
392	452716	Tống Thị Mỹ	Hạnh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
393	452718	Nguyễn Ngọc	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
394	452723	Đinh Thị Vân	Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
395	452724	Nguyễn Thị	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
396	452731	Trịnh Thị	Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
397	452732	Ngô Thị Ngọc	Huyền	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
398	452735	Phạm Thị	Thống	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
399	452738	Nguyễn Thị Lan	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
400	452742	Trương Tuấn	Đạt	Luật Kinh tế	Trung văn	1.0	Không đạt			
401	452803	Võ Việt	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
402	452812	Nguyễn Xuân Hiển	Vinh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
403	452822	La Thị Thùy	Dung	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
404	452824	Nguyễn Tiến	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
405	452829	Chu Yến	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
406	452834	Hoàng Thúy	Hằng	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
407	452837	Đàm Thị	Duyên	Luật Kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
408	452841	Bùi Bích	Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
409	452849	Nguyễn Đức	Tâm	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
410	452857	Phạm Thị	Sinh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
411	452901	Bùi Minh	Thảo	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
412	452906	Nguyễn Ngọc	Thu	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
413	452910	Nguyễn Thanh Thanh	Chúc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
414	452911	Nguyễn Thu	Trang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
415	452912	Hoàng Minh	Thùy	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
416	452919	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
417	452921	Vương Tiến	Thành	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
418	452922	Nguyễn Hà	Duy	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
419	452923	Phạm Thế	Mạnh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
420	452925	Đỗ Thị Hà	Hương	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
421	452927	Nguyễn Phương	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
422	452929	Trần Thị Lan	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
423	452934	Phạm Khánh	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
424	452937	Nguyễn Thùy	Nhung	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
425	452938	Nguyễn Thị Thu	My	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
426	452940	Nguyễn Thị Thu	Hà	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
427	452943	Hoàng Trung	Hiếu	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
428	452946	Nguyễn Minh	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
429	452947	Vũ Thảo	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
430	452950	Phạm Thị	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
431	452951	Bùi Lê Gia	Phong	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
432	452952	Đường Văn	Chính	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
433	453012	Chu Ngọc	Hân	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
434	453013	Thiều Thị Thảo	Nga	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
435	453014	Nguyễn Hoàng	Hà	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
436	453015	Nguyễn Thảo	Nguyên	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
437	453016	Bùi Lê Thảo	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
438	453017	Vũ Phạm Phương	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
439	453020	Nguyễn Việt	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
440	453021	Vũ Minh	Tâm	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
441	453032	Lê Phương	Vi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
442	453042	Nguyễn Tiến	Dũng	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
443	453043	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
444	453045	Đinh Phương	Nhi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
445	453049	Dương Đức	Nguyên	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
446	453051	Đỗ Hà	Chi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
447	453053	Nguyễn Minh	Ký	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
448	453108	Nguyễn Hồ Kiều	Mi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
449	453110	Trần Thị Tường	Uyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
450	453114	Hoàng Lan	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
451	453118	Phan Thị Yến	Nhi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
452	453131	Nguyễn Phương	Uyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
453	453134	Lê Thị Vân	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
454	453138	Nguyễn Nguyễn Yến	Nhi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
455	453141	Trịnh Thanh	Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
456	453143	Đặng Phương	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
457	453148	Nguyễn Trung	Dương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
458	453149	Ngô Thị Tuyết	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
459	453152	Trương Quỳnh	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
460	453153	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
461	453155	Đặng Trang	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
462	453156	Nguyễn Phương	Thúy	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
463	453157	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
464	453158	Lương Khánh	Vi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
465	453201	Cao Thị	Tiên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
466	453203	Nguyễn Ngọc Thu	Trang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
467	453205	Nguyễn Thị	Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
468	453208	Phạm Trần Khánh	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
469	453209	Nguyễn Thị	Thương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
470	453212	Lê Thị Lâm	Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
471	453213	Trịnh Thu	Phương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
472	453216	Trần Phương	Uyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
473	453217	Nguyễn Ngọc	Khánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
474	453218	Nguyễn Thiên Hà	An	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
475	453220	Lê Thị Lan	ánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
476	453221	Nguyễn Minh	ánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
477	453222	Nguyễn Phạm Hải	Ly	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
478	453223	Ngô Thị	Ngà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
479	453228	Đào Duy	Hảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
480	453229	Nguyễn Thị	Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
481	453244	Trần Thị Phương	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
482	453248	Bùi Chi	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
483	453249	Lê Thị Thùy	Dương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
484	453252	Mai Thị Quỳnh	Trang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
485	453253	Hoàng Thị Châu	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
486	453254	Phan Khánh	Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
487	453257	Vũ Ngọc	Toản	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
488	453258	Phạm Thanh	Hương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
489	453302	Nguyễn Tường	Uyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
490	453311	Đặng Đức	Mạnh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
491	453313	Trần Ngọc	Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
492	453324	Nguyễn Khánh	Ngọc	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
493	453331	Nguyễn Minh	Trang	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
494	453347	Nghiêm Phương	Trang	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
495	453409	Ngô Chí	Thành	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
496	453420	Nguyễn Đức	Tiến	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
497	453421	Nguyễn Quốc Nhật	Dương	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
498	453424	Nguyễn Hữu	An	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
499	453430	Bùi Nguyên Khánh	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
500	453431	Hồ Ngọc	Trâm	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
501	453433	Trần Quang	Huy	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
502	453438	Phùng Diễm	Quỳnh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
503	453441	Trần Thanh	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
504	453442	Lê Hà	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
505	453447	Phạm Hà	Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
506	453448	Nguyễn Như	Hiệp	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
507	453501	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.5	Không đạt			
508	453503	Nguyễn Hải	Vy	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
509	453504	Hà Linh	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
510	453507	Phí Thị Vân	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
511	453513	Hà Phương	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
512	453514	Phạm Thị Huyền	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
513	453548	Nguyễn Huy	Mạnh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
514	453605	Nguyễn Bá	Đạt	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
515	453610	Nguyễn Mai	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
516	453612	Hoàng Hạnh	Nguyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
517	453617	Trần Thảo	Đan	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
518	453618	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
519	453626	Ngô Minh	Hằng	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
520	453627	Bùi Kiều	Trang	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
521	453630	Phạm Thị Phương	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
522	453636	Lê Hồng	Lam	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
523	453638	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
524	453644	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
525	453648	Trần Tuấn	Kiệt	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
526	453702	Phạm Thang Thái	An	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
527	453703	Nguyễn Duy	Anh	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
528	453706	Thịnh Tuấn	Anh	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
529	453708	Nguyễn Chí	Cường	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
530	453715	Trần Bảo	Giang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
531	453718	Đỗ Đức	Hạnh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
532	453722	Tô Văn	Hiếu	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
533	453723	Đinh Thị	Hiệu	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
534	453725	Đặng Thế	Huy	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
535	453726	Trần Thị	Huyền	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
536	453729	Nguyễn Thu	Hương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
537	453730	Nguyễn Trung	Kiên	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
538	453738	Nguyễn Thị Thảo	Ly	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
539	453739	Nguyễn Kiều	Mai	Luật	Anh văn	2.5	Không đạt			
540	453741	Trần Cung	My	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
541	453749	Nguyễn Quang	Nhân	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
542	453751	Nguyễn Thị Bích	Nhiên	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
543	453752	H Kim Sa	Niê	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
544	453754	Trần Hậu	Phúc	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
545	453755	Dương Văn	Phương	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
546	453758	Nguyễn Ngọc	Quý	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
547	453761	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
548	453768	Bùi Thị Hoài	Thương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
549	453772	Trần Anh	Trí	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
550	453773	Nguyễn Quốc	Trung	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
551	453777	Nông Khánh	Uyên	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
552	453779	Hoàng Trí	Vĩ	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
553	453781	Phan Dương Minh	ánh	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
554	453782	Vũ Thị Mỹ	An	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
555	453783	Ngô Trần Ngọc Hà	Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
556	453785	Vũ Thị Quỳnh	Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
557	453790	Văn Tiến	Đạt	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
558	453797	Nguyễn Ngọc	Hà	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
559	453798	Trịnh Nguyễn Ngọc	Hà	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
560	4537104	Lê Xuân	Hoàng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
561	4537110	Hoàng Hải	Nam	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
562	4537112	Lê Nguyễn Nhật	Phong	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
563	4537115	Triệu Văn	Sơn	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
564	4537123	Phạm	Tín	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
565	4537125	Nguyễn Thị Phương	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
566	4537129	Trần Thị Huyền	Trinh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
567	4537133	Đỗ Anh	Tuấn	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
568	4537135	Nguyễn Thị Thu	Giang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
569	4537136	Phạm Công	Tình	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
570	801014148	Phạm Chu Nhật	Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Triều Dương

KT.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Tô Văn Hòa